

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ -CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 267 /TNB-HĐQT

Tp. Cần Thơ, ngày 01 tháng 3 năm 2013

V/v: Công bố thông tin báo cáo  
tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3765 080; Fax: (0710) 3765 078

Thực hiện thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về nội dung thông tin báo cáo tài chính năm 2012 của công ty đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, GD, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, PHN.

**Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.

Người thực hiện công bố thông tin

PHÓ GIÁM ĐỐC



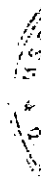
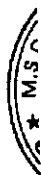
Bùi Quang Phú Điền

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

PH  
VIA  
SIC  
C  
HCH  
Đ  
T  
Đ

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Bà Nguyễn Thị Hiền	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Phú Điền	Ủy viên
Ông Tống Xuân Phong	Ủy viên
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên
Ông Phạm Tấn Tùng	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Đức Hiền	Giám đốc
Ông Bùi Quang Phú Điền	Phó Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012)
Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Hiền  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2013  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

307  
CỘNG  
HỘI  
NƯỚC  
VIỆT  
NAM  
KỶ

Số: 469 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013, từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Trần Huy Công  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 02 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>233.547.304.858</b>	<b>252.443.703.142</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>109.490.384.928</b>	<b>127.924.994.323</b>
1. Tiền	111		9.490.384.928	7.924.994.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	120.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>74.046.426.301</b>	<b>71.398.547.556</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.311.448.593	48.632.428.911
2. Trả trước cho người bán	132		59.890.265.328	14.838.522.800
3. Các khoản phải thu khác	135		10.844.712.380	7.927.595.843
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>48.566.629.551</b>	<b>49.864.361.903</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.253.102.036	52.993.019.201
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.686.472.485)	(3.128.657.298)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.443.864.078</b>	<b>3.255.799.360</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.400.864.078	3.054.799.360
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		43.000.000	201.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+260)</b>	<b>200</b>		<b>38.809.440.947</b>	<b>20.907.985.432</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.852.722.807</b>	<b>19.031.392.038</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	20.701.130.820	3.197.028.038
- Nguyên giá	222		23.979.385.838	5.201.410.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.278.255.018)	(2.004.381.975)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	6.151.591.987	9.714.364.000
- Nguyên giá	228		6.152.000.000	9.714.364.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(408.013)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	6.120.000.000
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>8</b>	<b>10.761.083.989</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		11.480.389.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(719.305.011)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.195.634.151</b>	<b>1.876.593.394</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.126.105.111	1.858.149.394
2. Tài sản dài hạn khác	268		69.529.040	18.444.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>272.356.745.805</b>	<b>273.351.688.574</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN  
 Đơn vị: VND

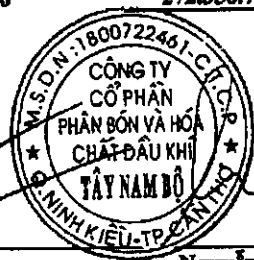
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>59.628.336.030</b>	<b>79.323.791.696</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.628.336.030</b>	<b>79.117.844.696</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	20.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		3.423.483.890	61.424.527.320
3. Người mua trả tiền trước	313		9.963.595.196	2.011.334.842
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	2.659.577.110	244.180.610
5. Phải trả người lao động	315		2.842.270.995	1.872.422.498
6. Chi phí phải trả	316		9.762.474.453	9.456.146.370
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.375.824.291	1.151.047.949
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.601.110.095	2.958.185.107
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>205.947.000</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	205.947.000
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>212.728.409.775</b>	<b>194.027.896.878</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>212.728.409.775</b>	<b>194.027.896.878</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.475.215.861	4.142.814.141
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.737.607.931	2.071.407.071
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.515.585.983	17.813.675.666
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>272.356.745.805</b>	<b>273.351.688.574</b>

*(Handwritten signature)*

Ngô Thị Hồng Nga  
 Người lập biểu

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thành Công  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hiền  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	3.210.718.361.403	2.660.856.972.664
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	32.144.936.396	13.581.028.906
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	13	3.178.573.425.007	2.647.275.943.758
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	3.087.222.069.800	2.583.480.566.728
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		91.351.355.207	63.795.377.030
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	17.861.540.522	18.837.406.161
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		19.098.782.031	10.168.044.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.045.820.658	17.056.534.816
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		66.068.293.040	55.408.203.673
11. Thu nhập khác	31		245.916.826	13.636.364
12. Chi phí khác	32		141.561	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		245.775.265	13.636.364
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		66.314.068.305	55.421.840.037
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	12.990.051.109	13.993.698.624
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		53.324.017.196	41.428.141.413
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.137	2.639

007  
 CÔNG  
 CỔ PHẦN  
 BÓN VÀ HÓA  
 CHẤT DẦU KHÍ  
 TÂY NAM BỘ  
 NIÊN KẾT  
 2012

*(Signature)*

**Ngô Thị Hồng Nga**  
 Người lập biểu

*(Signature)*

**Nguyễn Thành Công**  
 Kế toán trưởng



*(Signature)*

**Nguyễn Đức Hiến**  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 01 năm 2013. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 15 tháng 8 năm 2008.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 57 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh các loại phân bón Sản xuất phân bón và hợp chất Ni tơ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Quảng cáo (chi tiết thực hiện các dịch vụ quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng, pano, bảng hiệu tại điểm bán hàng, hội chợ, triển lãm, các phương tiện giao thông, các hoạt động quảng cáo thuộc lĩnh vực nông nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan; Xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản trong đường tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

M.S.D.

151/18 Trần Hoàng Na

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, trong đó Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa có giá trị lớn, các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

18/11/2012  
C  
C  
I  
A  
N  
C  
H.  
T  
A  
/K

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

72  
NG  
PH  
ĐN  
ĐÁ  
HÀ  
U-T  
C  
C  
T  
A

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	194.238.752	154.799.250
Tiền gửi ngân hàng	9.296.146.176	7.770.195.073
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	120.000.000.000
	<b>109.490.384.928</b>	<b>127.924.994.323</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 8% đến 9%/năm (năm 2011: 14%/năm).

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	304.873.427
Hàng hóa	52.253.102.036	52.688.145.774
	<b>52.253.102.036</b>	<b>52.993.019.201</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.686.472.485)	(3.128.657.298)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>48.566.629.551</b>	<b>49.864.361.903</b>

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	1.766.025.000	858.181.818	2.577.203.195	5.201.410.013
Mua trong năm	17.636.363.644	2.129.000.000	778.637.181	20.544.000.825
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.766.025.000)	-	-	(1.766.025.000)
Tại ngày 31/12/2012	<b>17.636.363.644</b>	<b>2.987.181.818</b>	<b>3.355.840.376</b>	<b>23.979.385.838</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	558.169.290	265.997.380	1.180.215.305	2.004.381.975
Khấu hao trong năm	813.814.935	257.160.561	827.986.591	1.898.962.087
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(625.089.044)	-	-	(625.089.044)
Tại ngày 31/12/2012	<b>746.895.181</b>	<b>523.157.941</b>	<b>2.008.201.896</b>	<b>3.278.255.018</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2012	<b>16.889.468.463</b>	<b>2.464.023.877</b>	<b>1.347.638.480</b>	<b>20.701.130.820</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>1.207.855.710</b>	<b>592.184.438</b>	<b>1.396.987.890</b>	<b>3.197.028.038</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 918.489.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 24.664.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	9.714.364.000	-	9.714.364.000
Mua trong năm	-	32.000.000	32.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.120.000.000	-	6.120.000.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư (9.714.364.000)	(9.714.364.000)	-	(9.714.364.000)
Tại ngày 31/12/2012	6.120.000.000	32.000.000	6.152.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	408.013	408.013
Tại ngày 31/12/2012	-	408.013	408.013
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	6.120.000.000	31.591.987	6.151.591.987
Tại ngày 31/12/2011	9.714.364.000	-	9.714.364.000

**8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Tăng từ tài sản cố định vô hình	9.714.364.000	-	9.714.364.000
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	-	1.766.025.000	1.766.025.000
Tại ngày 31/12/2012	9.714.364.000	1.766.025.000	11.480.389.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Trích khấu hao trong năm	-	94.215.967	94.215.967
Tăng từ tài sản cố định hữu hình	-	625.089.044	625.089.044
Tại ngày 31/12/2012	-	719.305.011	719.305.011
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	9.714.364.000	1.046.719.989	10.761.083.989
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số tiền 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn phục vụ kinh doanh phân bón hóa chất. Khoản vay chịu lãi suất 8%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 07 tháng 01 năm 2013. Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 323/HDTG ngày 29 tháng 12 năm 2012 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để đảm bảo cho khoản vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.053.148	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.590.766.508	179.149.012
Thuế thu nhập cá nhân	59.757.454	65.031.598
	<b>2.659.577.110</b>	<b>244.180.610</b>

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2011	-	-	-	-	100.000.000.000
Tăng do chuyển đổi	100.000.000.000	-	-	41.428.141.413	41.428.141.413
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	70.000.000.000
Vốn góp trong năm	70.000.000.000	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	4.142.814.141	2.071.407.071	(6.214.221.212)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.500.244.535)	(5.500.244.535)
Trả cổ tức	-	-	-	(11.900.000.000)	(11.900.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>4.142.814.141</b>	<b>2.071.407.071</b>	<b>17.813.675.666</b>	<b>194.027.896.878</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.324.017.196	53.324.017.196
Phân phối lợi nhuận (1)	-	5.332.401.720	2.666.200.860	(7.998.602.580)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	(9.123.504.299)	(9.123.504.299)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>9.475.215.861</b>	<b>4.737.607.931</b>	<b>28.515.585.983</b>	<b>212.728.409.775</b>

- (1) Trong năm, theo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 được phê duyệt bởi Công ty mẹ, Công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính với số tiền lần lượt là 5.332.401.720 đồng, 2.666.200.860 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2012.
- (2) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 3 năm 2012, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế năm 2012 tương ứng là 7.998.602.579 đồng và trích bổ sung 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2012 với số tiền 1.124.901.720 đồng.
- (3) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ nêu trên, cổ tức năm 2011 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 25.500.000.000 đồng. Năm 2011, Công ty đã chia cho các cổ đông 11.900.000.000 đồng, phần còn lại đã được chia trong năm 2012. Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2012, Công ty tạm chia cổ tức năm 2012 cho cổ đông bằng 7% mệnh giá cổ phần tương đương 11.900.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	127.500.000.000	75	127.500.000.000	75
Các cổ đông khác	42.500.000.000	25	42.500.000.000	25
	<b>170.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>100</b>

Số lượng cổ phiếu phát hành tại Công ty như sau:

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã bán ra + Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**12. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 13 và số 14.

**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu URE Phú Mỹ	1.995.605.485.430	1.618.950.904.652
Doanh thu Đạm Cà Mau	967.783.095.187	-
Doanh thu NPK Phú Mỹ	38.958.450.535	63.292.171.424
Doanh thu các loại phân bón khác	195.794.155.169	969.851.088.484
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	12.577.175.082	8.762.808.104
	<b>3.210.718.361.403</b>	<b>2.660.856.972.664</b>
Hàng bán bị trả lại	-	(19.695.238)
Chiết khấu thương mại	(32.144.936.396)	(13.561.333.668)
	<b>3.178.573.425.007</b>	<b>2.647.275.943.758</b>

1800:  
CỘNG  
CỐP  
ÂN BỐ  
HÁT C  
TÂY N  
KIỀU

19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn URE Phú Mỹ	1.882.468.748.627	1.555.050.348.569
Giá vốn Đạm Cà Mau	956.012.578.742	-
Giá vốn NPK Phú Mỹ	39.315.054.762	63.080.498.607
Giá vốn các loại phân bón khác	197.323.717.797	957.172.678.581
Giá vốn dịch vụ khác	12.101.969.872	8.177.040.971
	<b>3.087.222.069.800</b>	<b>2.583.480.566.728</b>

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu thể hiện khoản thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong năm.

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	938.147.114	850.181.087
Chi phí nhân công	18.583.573.070	13.162.466.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.993.586.067	1.050.035.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.229.224.564	14.608.654.488
Chi phí khác	9.806.915.173	6.526.298.110
	<b>55.551.445.988</b>	<b>36.197.635.447</b>

**17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	66.314.068.305	55.421.840.037
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	259.849.237	552.954.457
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	259.849.237	552.954.457
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	66.573.917.542	55.974.794.494
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	16.643.479.386	13.993.698.624
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (i)	(3.653.428.277)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>12.990.051.109</b>	<b>13.993.698.624</b>

(i) Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 100 người. Số thuế được giảm được xác định trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty (không bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng) với số tiền là 3.653.428.277 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	624.000.000	78.000.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không bỳ ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	546.000.000	624.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	546.000.000
Sau năm năm	-	-

Khoản thanh toán thuê hoạt động liên quan đến Hợp đồng số 578/2011/PVFCCo-PVFCCo SW/D ký kết ngày 03 tháng 10 năm 2011 về việc thuê văn phòng tại số 151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trong thời hạn 2 năm kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2011. Tiền thuê được thanh toán 3 tháng một lần với số tiền thuê là 52.000.000 đồng/tháng.

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.490.384.928	127.924.994.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.156.160.973	56.560.024.754
Tài sản tài chính khác	69.529.040	18.444.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.716.074.941</b>	<b>184.503.463.077</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	9.192.783.398	61.424.527.320
Chi phí phải trả	9.762.474.453	9.456.146.370
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.955.257.851</b>	<b>70.880.673.690</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.490.384.928	-	109.490.384.928
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.156.160.973	-	14.156.160.973
Tài sản tài chính khác	-	69.529.040	69.529.040
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.646.545.901</b>	<b>69.529.040</b>	<b>123.716.074.941</b>
<b>31/12/2012</b>			
Vay ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	9.192.783.398	-	9.192.783.398
Chi phí phải trả	9.762.474.453	-	9.762.474.453
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.955.257.851</b>	<b>-</b>	<b>38.955.257.851</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>84.691.288.050</b>	<b>69.529.040</b>	<b>84.760.817.090</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.924.994.323	-	127.924.994.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.560.024.754	-	56.560.024.754
Tài sản tài chính khác	-	18.444.000	18.444.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.485.019.077</b>	<b>18.444.000</b>	<b>184.503.463.077</b>
<b>31/12/2011</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	61.424.527.320	-	61.424.527.320
Chi phí phải trả	9.456.146.370	-	9.456.146.370
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.880.673.690</b>	<b>-</b>	<b>70.880.673.690</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>113.604.345.387</b>	<b>18.444.000</b>	<b>113.622.789.387</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
<b>Góp vốn điều lệ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	27.500.000.000
<b>Mua hàng hóa</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.866.248.197.835	1.667.098.717.282
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	60.504.409.527	471.727.950.608
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	19.446.919.564	6.120.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	6.880.952.381	-
Mua hàng hóa từ các cổ đông của Công ty	45.359.269.046	25.009.590.475
Mua dịch vụ từ các đơn vị trong Tập Đoàn PVN	1.925.829.494	3.271.161.672
<b>Thuê văn phòng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	624.000.000	78.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	142.835.335	-
<b>Chi phí quản lý</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.243.650.724	-
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	11.962.947.575	7.028.102.792
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	197.599.858	1.203.090.909
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	2.722.857.143	9.960.019.047
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	31.636.364	11.980.952.383
Tổng Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	2.942.857.142
Bán hàng cho các cổ đông Công ty	2.425.537.833.066	2.147.586.408.044
<b>Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:</b>		
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.374.349.284	2.390.110.207

2246  
 CÔNG TY  
 LIÊN  
 VÀ HC  
 DẦU KH  
 11/0  
 P.CP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.288.741.682	-
Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh	-	19.471.520.660
Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Khoa	-	9.825.687.001
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Anh	-	3.084.820.255
Cty TNHH Hữu Thành I	5.119.091	5.302.459.844
Công ty TNHH Út Nữ	-	5.392.299.999
<b>Ứng trước nhà cung cấp</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	59.862.765.328	8.472.253.257
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	6.221.454.545
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.414.712.380	7.309.262.509
<b>Phải trả người bán</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	58.676.600.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	1.496.664.243	112.706.646
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	7.355.916	6.078.234
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH TM DV Hiếu Văn	2.707.389.572	246.783.767
Doanh nghiệp Tư nhân Đăng Lan	2.700.000.000	95.640.998
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.066.126.294
Chiết khấu thương mại cho các khách hàng là các cổ đông	4.657.364.634	-
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP	19.125.000.000	8.925.000.000

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán.

  
 Ngô Thị Hồng Nga  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thành Công  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Đức Hiền  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2013